

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÀM SƠN
TỈNH THANH HÓA**
Bản án số: 29/2021/HS-ST
Ngày: 05/7/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÀM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Luyến
2. Bà Trịnh Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Hà Quang Lộc- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2021/TLST- HS ngày 31 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Văn C sinh năm: 1996; trú tại: Thôn T, xã Q, TP. S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Văn T và bà Lê Thị Y;; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Lê Đình V sinh năm: 1994; trú tại: Thôn T, xã Q, TP. S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Song T và bà Trịnh Thị Đ; có vợ là Phan Thị T và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016 nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Lê Văn P sinh năm: 1998; trú tại: Thôn C, xã Q, TP. T, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Đào Thị T; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 09/8/2018 bị Công an TP. Thanh hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Hoàng Văn T sinh năm: 1998; trú tại: Thôn 1, xã Q, TP. S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn S và bà Lê Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ

ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Chu Văn K sinh năm: 1996; trú tại: Thôn T, xã Q, TP. S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Chu Văn D và bà Lê Thị N; có vợ là Đoàn Thị L và có 1 con sinh năm 2016 nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt

6. Lê Đình H sinh năm: 1998; trú tại: Thôn T, xã Q, TP. S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Đình H và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Dư Thị N và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; có mặt.

7. Hoàng Văn D sinh năm: 1998; trú tại: Thôn 1, xã Q, TP. Sầm Sơn, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn H và bà Cù Thị N; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Nguyễn Công H sinh năm: 1994; trú tại: Thôn 5, xã Q, TP. S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Công T và bà Lê Thị H; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Phạm Viết D sinh năm: 1995; trú tại: Thôn P, xã Q, TP. S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Viết L và bà Trần Thị B; có vợ là Cao Thị H và có 02 con, lớn sinh năm 2018 nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Lê Đình C sinh năm: 1994; trú tại: Thôn T, xã Q, TP. Sầm Sơn, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Đình N và bà Hoàng Thị M; có vợ là Mai Thị Hg và có 02 con lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. Hoàng Văn H sinh năm: 1998; trú tại: Thôn 1, xã Q, TP. S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn Đ và bà Lê Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

12. Ngô Xuân V sinh năm: 1993; trú tại: Thôn T, xã Q, TP. S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Ngô Xuân T và bà Nguyễn Thị H; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

13. Phạm Ngọc Q sinh năm: 1993; trú tại: Thôn Đ, xã Q, TP. S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn S và bà Lê Thị T; tiền án, tiền sự: không; có mặt.

14. Nguyễn Đình H sinh năm: 1992; trú tại: Thôn Q, xã K, huyện T, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đình X và bà Phạm Thị L; có vợ là Đỗ Thị L và có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

15. Lê Đình T sinh năm: 1988; trú tại: Thôn T, xã Q, TP. S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Lê Đình N và bà Lê Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

16. Lê Đình D sinh năm: 1994; trú tại: Thôn T, xã Q, TP. S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Lê Đình C và bà Phạm Thị B; có vợ là Lê Thị Minh T và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

17. Phạm Viêt C sinh năm: 1997; trú tại: Thôn T, xã Q, TP. S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Viêt H và bà Lê Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021 được TTBPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12h 45' ngày 16/03/2021, tổ công tác của Công an thành phố Sầm Sơn phát hiện bắt quả tang tại phòng Karaoke trong quán Bi-a của anh Lê Đình H tại thôn Trường Thịnh, xã Quảng Minh, thành phố Sầm Sơn các đối tượng đang đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa” được thua bằng tiền, bắt giữ các đối tượng gồm: Trịnh Văn C, Chu Văn K, Hoàng Văn H, Phạm Viêt D, Nguyễn Công H, Lê Đình C, Ngô Xuân V, Hoàng Văn T, Phạm Viêt C, Lê Đình D, Lê Văn P, Hoàng Văn D, Lê Đình V, Nguyễn Đình H, Lê Đình T.

Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 23.980.000đ; 01 chiếu nhựa; 01 bộ bát đĩa bằng sứ và 04 quân vị. Thu giữ trong người C số tiền 1.000.000đ, H 800.000đ; T 3.000.000đ; Hoàng Văn D 700.000đ; V 115.000đ, H 1.000.000đ và C 80.000đ. Tổng số tiền thu giữ trên người các đối tượng là 6.695.000đ.

Đối với Phạm Ngọc Q và Lê Đình H tham gia đánh bạc, tại thời điểm bắt quả tang đã về trước, đến 14h ngày 19/03/2021 và 08h ngày 20/03/2021 cả hai ra đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận: Khoảng 11h30' ngày 16/03/2021, sau khi tham dự đám cưới, các đối tượng gồm: Trịnh Văn C, Chu Văn K, Phạm Viêt D, Lê Đình C, Hoàng Văn T, Lê Đình D, Lê Văn P, Hoàng Văn D, Lê Đình V, Nguyễn Đình H, Lê Đình T, Lê Đình H và Phạm Ngọc Q cùng rủ nhau vào phòng hát karaoke cũ trong quán Bi-a của anh Lê Đình H để đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa” được thua bằng tiền. C thấy V cắt 04 quân vị từ vỏ bao thuốc lá nhưng do cắt không đẹp nên C đã cắt lại. C ngồi xuống dưới chiếu cho 04 quân vị vào đĩa sứ,

úp bát lên rồi bắt đầu xóc cái, những người tham gia ngồi, đứng lại xung quanh và đặt tiền xuống dưới chiếu để chơi. Khoảng 10' sau, lần lượt Hoàng Văn H, Nguyễn Công H, Ngô Xuân V, Phạm Viết C vào cùng tham gia đánh bạc. Tham gia đánh bạc lúc này gồm các đối tượng: C, K, Phạm Viết D, C, T, Lê Đình D, P, Hoàng Văn D, V, H, T, H, Q, H, H, V và C.

Mức tiền đặt cửa thấp nhất 50.000đ/ván/người, cao nhất 1.000.000đ/ván/người. Quá trình đánh bạc, H do thua hết tiền và Q giải quyết việc công ty nên đi về trước.

Về số tiền tham gia đánh bạc, các đối tượng khai nhận như sau:

- C mang theo 400.000đ để đánh bạc, thắng được 600.000đ. Tổng số tiền 1.000.000đ để trong người khi bị bắt.
- V mang theo 6.415.000đ, sử dụng 6.300.000đ để đánh bạc, còn lại 115.000đ để trong người, khi bị bắt trên tay V còn 4.800.000đ bỏ xuống chiếu. Số tiền 115.000đ trong người không sử dụng để đánh bạc.
- T mang theo 3.200.000đ để đánh bạc, khi bị bắt trên tay còn 100.000đ nên bỏ xuống chiếu, thu trên người số tiền 3.000.000đ.
- K mang theo 3.000.000đ để đánh bạc, thắng được 5.000.000đ cho Tuấn vay, còn lại đến thời điểm bị bắt đã thua hết.
- Lê Đình D mang theo 1.500.000đ để đánh bạc, thắng 1.000.000đ, đã bỏ toàn bộ số tiền trên xuống dưới chiếu bạc khi bị bắt.
- Hoàng Văn D mang theo 1.500.000đ để đánh bạc, khi bị bắt quả tang bỏ xuống chiếu bạc 200.000đ còn 700.000đ bị thu giữ.
- Q mang theo 1.100.000đ để đánh bạc thua hết, sau đó Lê Đình T đưa cho Quý số tiền là 5.000.000đ đi giải quyết một số công việc, khi bắt quả tang Quý không có mặt.
- T khai: Khi tham gia đánh bạc không đem theo tiền. T báo với C tham gia cược chịu 01 lượt 500.000đ, thắng được 500.000đ nên sử dụng để đánh bạc, sau vài lượt thì thua hết nên đứng xem, thấy Chu Văn K đánh bạc thắng nên đã vay 5.000.000đ và đưa cho Q đem đi giải quyết giúp việc công ty. Sau đó, T vay C 1.000.000đ và sử dụng số tiền này để đánh bạc, đến khi bị bắt còn 200.000đ bỏ xuống dưới chiếu. Số tiền 5.000.000đ mà T vay của K, T đã giao nộp.
- H mang theo 600.000đ để đánh bạc, thắng 400.000đ, bắt quả tang bị thu giữ 1.000.000đ.
- H mang theo 600.000đ để đánh bạc, thắng 200.000đ, thu giữ 800.000đ.
- Phạm Viết D mang theo 800.000đ nhưng chỉ sử dụng 300.000đ để đánh bạc. Khi bắt quả tang trên tay còn 100.000đ bỏ xuống chiếu, D lấy 500.000đ để trong túi quần (không sử dụng đánh bạc) bỏ xuống chiếu bạc.
- H mang theo 250.000đ để đánh bạc thua hết thì đứng xem, sau đó đi về trước.
- C mang theo 200.000đ để đánh bạc, thắng được 1.800.000đ đặt 1.000.000đ xuống chiếu để cược thì bị bắt, số tiền còn lại 1.000.000đ bỏ xuống chiếu.

- P khai ban đầu vào xem mọi người đánh bạc vì không có tiền, sau đó lấy của Hoàng Văn T 200.000đ, tham gia cược 1 lượt thì bị thua, đứng xem đến khi bị bắt.
- H mang theo 200.000đ để đánh bạc, đặt 1 lượt số tiền 200.000đ thì bị bắt.
- V mang theo 200.000 để đánh bạc, cược 01 lượt 200.000đ thì thua, đứng xem đến khi bị bắt.
- C khai mang theo 180.000đ để đánh bạc, tham gia đánh bạc 1 lượt với số tiền 100.000đ bị thua, trong người còn lại 80.000đ loại tiền mệnh giá 10.000đ và 20.000 đ nên không tham gia nữa mà đứng xem. Số tiền 80.000đ không sử dụng để đánh bạc. Trước thời điểm đánh bạc, C đứng phía ngoài đánh Bi-a đã gặp Lê Đình T và cho Tuấn vay số tiền là 1.000.000đ, Tuấn đã sử dụng để đánh bạc.

Tổng số tiền các đối tượng khai nhận mang theo dùng vào mục đích đánh bạc là 20.750.000đ.

Số tiền thu giữ tại chiếu bạc 23.980.000đ, trong số tiền này có 500.000đ của Phạm Viết D không sử dụng để đánh bạc. Số tiền thu giữ trên người các đối tượng là 6.695.000đ, trong đó C có 80.000đ và V có 115.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc, còn lại 6.500.000đ sử dụng để đánh bạc. Lê Đình T giao nộp 5.000.000đ vay của K là tiền sử dụng vào việc đánh bạc.

Tổng số tiền đã thu giữ chứng minh các đối tượng dùng để đánh bạc là: 34.980.000đ. So với số tiền các đối tượng khai đem theo dùng để đánh bạc là 20.750.000đ, chênh lệch 14.230.000đ.

Quá trình điều tra xác định Phạm Viết D có 500.000đ, Phạm Viết C có 80.000đ và Lê Đình V có 115.000đ không dùng để đánh bạc nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho các đối tượng.

Tại bản cáo trạng số 28/CTr-VKS.HS ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân TP. Sầm Sơn đã truy tố các bị cáo Trịnh Văn C, Lê Đình V, Lê Văn P, Hoàng Văn T, Chu Văn K, Lê Đình H, Hoàng Văn D, Nguyễn Công H, Phạm Viết D, Lê Đình C, Hoàng Văn H, Ngô Xuân V, Phạm Ngọc Q, Nguyễn Đình H, Lê Đình T, Lê Đình D và Phạm Viết C về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS đối với tất cả các bị cáo. Khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo T, V, T, C, Q, H, H, Hoàng Văn D, Lê Đình D; Điều 65 BLHS đối với các bị cáo C, V, P, T, K và H; Điều 36 BLHS đối với các bị cáo Hoàng Văn D, H, Phạm Viết D, C, H và V; Điều 35 BLHS đối với các bị cáo Q, H, Lê Đình D, T và C, mức và loại hình phạt mà đại diện VKS đề nghị đối với các bị cáo như sau:

Bị cáo C, V và K mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Bị cáo P và T mỗi bị cáo từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Bị cáo H từ 6 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Áp dụng thời gian thử thách theo quy định của pháp luật tương ứng với từng bị cáo.

Bị cáo Hoàng Văn D, Phạm Viết D, H, Ch, H và V mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo còn lại, bị cáo Lê Đình D và T mỗi bị cáo từ 40.000.000đ đến 50.000.000đ; Bị cáo Q và H mỗi bị cáo từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ; bị cáo C từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ.

Áp dụng Khoản 3 Điều 321BLHS phạt tiền bổ sung các bị cáo C, V, K mỗi bị cáo số tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ; bị cáo P, T, H, Hoàng Văn D, H, Phạm Viết D, C, H, V mỗi bị cáo từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 34.980.000đ;

Tịch thu tiêu hủy 01chiếu; 01 đĩa sủ; 01 bát sủ; 04 quân vị.

Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, lời sau cùng xin xem xét giảm nhẹ TNHS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố trong vụ án này đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận: Khoảng 12h 45' ngày 16/03/2021, tại phòng hát karaoke cũ trong quán Bi-a của anh Lê Đình Huệ tại thôn Trường Thịnh, xã Quảng Minh, thành phố Sầm Sơn, Trịnh Văn C, Lê Đình V, Lê Văn P, Hoàng Văn T, Chu Văn K, Lê Đình H, Hoàng Văn D, Nguyễn Công H, Phạm Viết D, Lê Đình C, Hoàng Văn H, Ngô Xuân V, Phạm Ngọc Q, Nguyễn Đình H, Lê Đình T, Lê Đình D, và Phạm Viết C cùng nhau đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa” được thua bằng tiền. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 34.980.000đ. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, với biên bản phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng, tang vật chứng thu được cùng các tài liệu khác phản ánh tại hồ sơ.

Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng bột phát, dưới dạng đồng phạm giản đơn. Mặc dù tổng số tiền các đối tượng khai nhận mang theo dùng vào mục đích đánh bạc là 20.750.000đ. Tuy nhiên căn cứ vào số tiền thu được trên người các bị cáo và số tiền trên chiếu bạc khi bắt quả tang, có căn cứ khẳng định tổng số tiền được dùng vào việc đánh bạc trong vụ án này 34.980.000đ, việc đánh bạc thể hiện thắng thua bằng tiền trong từng ván bạc, vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung đối với toàn bộ số tiền trên.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của các bị cáo Trịnh Văn C, Lê Đình V, Lê Văn P, Hoàng Văn T, Chu Văn K, Lê Đình H, Hoàng Văn D, Nguyễn Công H, Phạm Viết D, Lê Đình C, Hoàng Văn H, Ngô Xuân V, Phạm Ngọc Q, Nguyễn Đình H, Lê Đình T, Lê Đình D và Phạm Viết C đã phạm vào tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS như đề nghị của Viện kiểm sát là đúng pháp luật

[3] *Về tính chất hành vi phạm tội, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ*:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, là tệ nạn xấu trong xã hội, gây thiệt hại về kinh tế, tạo ra nguồn thu nhập không chính đáng

cho một số ng-ời. Nhiều gia đình đã lụn bại kinh tế, vợ chồng con cái mâu thuẫn, hạnh phúc tan vỡ nguyên nhân từ tệ nạn bài bạc; ngoài ra tệ nạn bài bạc còn là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Đây là một vụ án lớn, có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng lớn đến tình hình an ninh trật tự tại thành phố Sầm Sơn. Vì vậy, cần xử lý nghiêm các bị cáo để giáo dục và phòng ngừa chung.

Việc đánh bạc do các bị cáo cùng nhau thực hiện đang diễn ra thì bị bắt quả tang, vì vậy, tất cả số tiền 34.980.000đ thu giữ trên người các bị cáo và tại chiếu bạc có căn cứ khẳng định là tiền dùng vào việc phạm tội nên các bị cáo phải chịu chung trách nhiệm đối với số tiền này. Các bị cáo cùng rủ nhau thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy, vai trò của các bị cáo trong vụ án này là như nhau. Tuy nhiên, các bị cáo C, V là hai bị cáo có vai trò tích cực nhất, các bị cáo K, T số tiền dùng vào việc phạm tội nhiều nên xếp vai trò thứ hai sau đó là các bị cáo còn lại trong vụ án.

Các bị cáo trong vụ án này trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; phạm tội đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51BLHS. Bị cáo T có ông nội Lê Đình T, bà nội Nguyễn Thị T là người có công với cách mạng, có bác ruột là Lê Đình C là liệt sỹ ngoài ra còn tích cực kêu gọi, bản thân ủng hộ tiền tham gia chống dịch Covid 19. Bị cáo Lê Đình V có bố là Lê Song T có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ được thưởng bằng khen, có ông nội là Lê Đình C và bà nội là Trương Thị T có thành tích trong kháng chiến chống Pháp được thưởng bằng khen; bản thân bị cáo có thời gian phục vụ trong quân ngũ. Bị cáo Hoàng Văn D và Hoàng Văn T có ông nội Hoàng Văn C, bà Đỗ Thị S tham gia dân công hỏa tuyến. Bị cáo Lê Đình D và Lê Đình C có bác ruột là Lê Đình T là liệt sỹ, mẹ Lê Đình D là bà Phạm Thị B là người khuyết tật. Bị cáo Hoàng Văn H có ông là Hoàng Văn V tham gia dân công hỏa tuyến. Các bị cáo H, Quý tự nguyện nộp tiền ủng hộ phòng chống dịch Covid 19. Các bị cáo Q, H sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Vì vậy, các bị cáo T, V, Hoàng Văn D, Tiến, Lê Đình D, Ch, H, Q, H và H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS

Các bị cáo phạm tội đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng TNHS, có nơi cư trú rõ ràng, căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi cộng đồng xã hội. Tuy nhiên, cần phân hóa mức, loại hình phạt trong vụ án đối với các bị cáo một cách tương xứng với vai trò, các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo. Loại hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo như sau:

Căn cứ Điều 65 BLHS đối với các bị cáo C, V, P, T, K và H, cho các bị cáo hưởng án treo, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ sức giáo dục, phòng ngừa.

Căn cứ Điều 36 BLHS áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Hoàng Văn D, Hạnh, Phạm Việt D, C, H và V, miễn khấu trừ thu nhập cho cáo bị cáo vì đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Các bị cáo đều đã bị tạm giữ một ngày vì vậy cần trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ (1 ngày tạm giữ = 3 ngày cải tạo không giam giữ).

Các bị cáo Q, H, T, Lê Đình D và C căn cứ Điều 35 BLHS áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS, Phạt tiền bổ sung các bị cáo C, V, P, T, K, H, Hoàng Văn D, H, Phạm Viết D, C, H và V mỗi bị cáo một khoản tiền để sung quỹ nhà nước.

[4] *Vật chứng*: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 34.980.000đ; tịch thu tiêu hủy 01 chiếu, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị.

[5] *Án phí*: Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14, các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS đối với tất cả các bị cáo. Khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo T, V, Hoàng Văn D, T, Lê Đình D, C, H, Q, H và H. Điều 65 BLHS đối với các bị cáo C, V, P, T, K và H. Điều 36 BLHS đối với các bị cáo Hoàng Văn D, H, Phạm Viết D, C, H và V Điều 35 BLHS đối với các bị cáo Q, H, T, Lê Đình D và Cg. Khoản 3 Điều 321BLHS đối với các bị cáo: C, V, P, T, K, H, Hoàng Văn D, H, Phạm Viết D, C, H và V.

Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Văn C, Lê Đình V, Lê Văn P, Hoàng Văn T, Chu Văn K, Lê Đình H, Hoàng Văn D, Nguyễn Công H, Phạm Viết D, Lê Đình C, Hoàng Văn H, Ngô Xuân V, Phạm Ngọc Q, Nguyễn Đình H, Lê Đình T, Lê Đình D và Phạm Viết C phạm tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt:

1. Bị cáo Trịnh Văn C 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

2. Bị cáo Lê Đình V 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách của các bị cáo C và V là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Bị cáo Lê Văn P 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

4. Bị cáo Hoàng Văn T 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

5. Bị cáo Chu Văn K 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách của các bị cáo P, T và K là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Bị cáo Lê Đình H 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo C, V, T, K và H cho UBND xã Q, TP. S; bị cáo P cho UBND xã Q, TP. T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách các bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án Hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 BLHS.

7. Bị cáo Hoàng Văn D 12 tháng cải tạo không giam giữ.

8. Bị cáo Nguyễn Công H 12 tháng cải tạo không giam giữ.

9. Bị cáo Phạm Viết D 12 tháng cải tạo không giam giữ.

10. Bị cáo Lê Đình C 12 tháng cải tạo không giam giữ.

11. Bị cáo Hoàng Văn H 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo Hoàng Văn D, Hạnh, Phạm Viết D, C, H được trừ 01 ngày đã bị tạm giữ, thời gian cải tạo không giam giữ còn lại các bị cáo phải chấp hành là 11 tháng 27 ngày.

12. Bị cáo Ngô Xuân V 09 tháng cải tạo không giam giữ được trừ 01 ngày đã bị tạm giữ, thời gian cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành là 08 tháng 27 ngày.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày UBND xã Q (đối với các bị cáo Hoàng Văn D, Phạm Viết D, C, H và V) và UBND xã Q (đối với bị cáo H) nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ.

13. Bị cáo Phạm Ngọc Q số tiền: 35.000.000đ.

14. Bị cáo Nguyễn Đình H số tiền: 35.000.000đ.

15. Bị cáo Lê Đình T số tiền: 35.000.000đ.

16. Bị cáo Lê Đình D số tiền 30.000.000đ.

17. Bị cáo Phạm Viết C số tiền 25.000.000đ.

Phạt bổ sung các bị cáo C, V, P, T, K, H, Hoàng Văn D, H, Phạm Viết D, C, H và V mỗi bị cáo 5.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 34.980.000đ. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc; 01 đĩa sù; 01 bát sù; 04 quân vị.

Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ theo Biên lai thu tiền số AA /2015/0001724 ngày 31/5/2021 và Biên bản giao nhận vật chứng số 28/BBVC-CCTHA ngày 31/5/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự TP. Sầm Sơn.

Án phí: Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP SS;
- Công an TP SS;
- THADS TPSS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Thị Hà